



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: **/QĐ-VPCNCLQG**
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên đơn vị tổ chức PT:	Công ty Cổ phần thử nghiệm thành thạo Quốc tế
<i>PT Provider name:</i>	<i>International Proficiency Testing Joint Stock Company</i>
Cơ quan chủ quản:	Công ty Cổ phần thử nghiệm thành thạo Quốc tế
<i>Organization:</i>	<i>International Proficiency Testing Joint Stock Company</i>
Lĩnh vực thử nghiệm:	Hóa
<i>Field of testing</i>	<i>Chemical</i>
Người phụ trách/	Hoàng Ngọc Vinh
<i>Representative:</i>	
Số hiệu/ Code:	VIPAS 004
Hiệu lực công nhận:	Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 22/07/2029
<i>Period of Validation</i>	
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 156/29-31 Tô Hiến Thành, phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
<i>The head office address</i>	<i>No. 156/29-31 To Hien Thanh street, Hoa Hung ward, Hồ Chí Minh city</i>
Địa điểm công nhận:	71/6 Phú Mỹ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh
<i>Accredited locations:</i>	<i>71/6 Phu My street, Thanh My Tay ward, Hồ Chí Minh city</i>
Điện thoại/ Tel:	0909 300 451
E-mail:	<i>info@iptpro.net</i>
Website:	www.iptpro.net

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 004

Lĩnh vực: Hóa

Field: Chemical

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items ⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định/ Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Measurement Uncertainty</i>
Tên chương trình: Phân tích các anion trong nước			
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Nitrate (NO ₃ ⁻)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		Nitrite (NO ₂ ⁻)	
		Chloride (Cl ⁻)	
		Sulfate (SO ₄ ²⁻)	
		Fluoride (F ⁻)	
		Phosphate (PO ₄ ³⁻)	
Tên chương trình: Phân tích tích kim loại trong nước			
2.	Nước ngầm <i>Ground water</i>	Sắt (Fe)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		Đồng (Cu)	
		Kẽm (Zn)	
		Tổng Crom (Cr)	
		Mangan (Mn)	
		Niken (Ni)	
Tên chương trình: Phân tích kim loại nặng trong nước			
3.	Nước thải <i>waste water</i>	Chì (Pb)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		Cadimi (Cd)	
		Thủy ngân (Hg)	
		Asen (As)	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 004

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items ⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị ấn định/ Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Measurement Uncertainty</i>
(b) Tên chương trình: Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước			
4.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Màu sắc (<i>Color</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		Độ đục (<i>Turbidity</i>)	
		pH (<i>pH</i>)	
		Độ kiềm tổng (<i>Total Alkanility</i>)	
		Độ cứng tổng (<i>Total Hardness</i>) Độ cứng Ca (<i>Hardness Ca</i>) Tổng chất rắn hòa tan TDS (<i>Total dissolved solids</i>)	
(b) Tên chương trình: Phân tích các chỉ tiêu đánh giá độ ô nhiễm nước			
5.	Nước thải <i>Waste water</i>	COD (<i>Chemical oxygen demand</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		BOD ₅ (<i>Biochemical oxygen demand</i>)	
		N_NH ₄ ⁺ (<i>Nitrogen Ammonia</i>)	
		N tổng (<i>Total Nitrogen</i>)	
		P tổng (<i>Total Phosphorus</i>)	
(b) Tên chương trình: Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi			
6.	Thức ăn chăn nuôi dạng rắn <i>Solid animal feed</i>	Âm (<i>Moisture</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
		Protein thô (<i>Crude protein</i>)	
		Tổng béo (<i>Total Fat</i>)	
		Tro tổng (<i>Total Ash</i>)	
		Tro không tan trong HCl (<i>Acid-insoluble Ash</i>)	
		Xơ thô (<i>Crude Fibre</i>)	
		Ca (<i>Calcium</i>)	
		P (<i>Phosphorus</i>)	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 004

TT	Nền mẫu <i>Sample matrix</i>	Chỉ tiêu ⁽¹⁾ <i>Testing items ⁽¹⁾</i>	Các kỹ thuật dùng để xác định giá trị án định/ Độ không đảm bảo đo <i>Techniques used to determine Assigned Value/ Measurement Uncertainty</i>
(b) Tên chương trình: Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng phân bón			
7.	Phân bón NPK dạng rắn Solid NPK Fertilizer	Ẩm (<i>Moisture</i>) N tổng số (<i>Total Nitrogen</i>) P ₂ O ₅ tổng số (<i>Total P₂O₅</i>) P ₂ O ₅ hữu hiệu (<i>Available P₂O₅</i>) K ₂ O tổng số (<i>Total K₂O</i>) K ₂ O hữu hiệu (<i>Available K₂O</i>) S tổng số (<i>Total Sulfur</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
(b) Tên chương trình: Phân tích hàm lượng Auramine O trong sầu riêng			
8.	Sầu riêng <i>Durian</i>	Chất Vàng ô (<i>Auramine O</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
(b) Tên chương trình: Phân tích kim loại trong mít			
9.	Mít <i>Jackfruit</i>	Đồng (<i>Cu</i>) Chì (<i>Pb</i>) Cadimi (<i>Cd</i>)	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>
(b) Tên chương trình: Phân tích các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thực phẩm mì ăn liền			
10.	Mì ăn liền <i>Instant noodles</i>	Protein thô (<i>Crude protein</i>) Tổng béo (<i>Total Fat</i>) Ẩm (<i>Moisture</i>) Tro tổng (<i>Total Ash</i>) Muối (<i>NaCl</i>) (Quy từ Cl ⁻) Tổng xơ (<i>Total dietary fibre</i>) Carbohydrates	Giá trị ấn định và độ không đảm bảo đo được xác định theo giá trị đồng thuận từ các PTN tham gia. <i>Assigned values and uncertainties determined by consensus values from participants</i>

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH THỬ NGHIỆM THÀNH THẠO ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED PROFICIENCY TESTING PROGRAMS

VIPAS 004

Ghi chú/ Notes:

- ⁽¹⁾: Mỗi ô trong cột này tương ứng với một mẫu mà PTP chuẩn bị. Số lượng chỉ tiêu trong mỗi ô là số lượng chỉ tiêu lớn nhất mà PTP có thể chuẩn bị.

Each cell in this column corresponds to one sample prepared by the PTP. The number of items in each cell is the maximum number of items that the PTP can prepare.

- (b): Phạm vi mở rộng, 12/2025/ *Extension scope, December 2025*

- Trường hợp Công ty Cổ phần thử nghiệm thành thạo Quốc tế cung cấp dịch vụ thử nghiệm thành thạo thì Công ty Cổ phần thử nghiệm thành thạo Quốc tế phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này.

It is mandatory for International Proficiency Testing Joint Stock Company that provides Proficiency Testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.

